

SO SÁNH CÁC QUY ĐỊNH VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

giữa

- Dự thảo Luật Trọng tài Thương mại bản chính lý ngày 02/06/2010 để trình Quốc hội thông qua (sau đây gọi là “**Dự thảo**”)
- Luật mẫu của Ủy ban Luật thương mại quốc tế của Liên hiệp quốc (UNCITRAL) về Trọng tài Thương mại Quốc tế đã sửa đổi năm 2006 (sau đây gọi là “**Luật mẫu**”).

1 HÌNH THỨC & BỐ CỤC

Dự thảo bao gồm 13 Chương, được chia thành 83 Điều. Trong khi đó, **Luật mẫu** chỉ bao gồm 8 Chương và được chia thành 36 Điều. Như vậy, xét về mặt hình thức và bố cục có thể thấy **Dự thảo** có quy mô lớn hơn so với **Luật mẫu** rất nhiều.

2 NỘI DUNG CỤ THỂ THEO NHÓM CÁC VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN QUỐC HỘI

2.1 Tên gọi của Luật

Do **Luật mẫu** điều chỉnh về Trọng tài thương mại quốc tế nên có sự khác biệt rõ ràng về tên gọi khi so sánh với **Dự thảo**. Tuy nhiên, có thể thấy rằng cả **Dự thảo** cũng như **Luật mẫu** đều được đặt tên dựa trên cơ sở phạm vi điều chỉnh của luật và phạm vi thẩm quyền của Trọng tài chỉ giới hạn trong các hoạt động thương mại. Như vậy, có thể thấy là **Dự thảo** đã có sự kế thừa từ **Luật mẫu**.

2.2 Phạm vi điều chỉnh

Dự thảo	Luật mẫu
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi áp dụng

<p>Luật này quy định về thẩm quyền của Trọng tài thương mại, các hình thức trọng tài, tổ chức trọng tài, Trọng tài viên; trình tự, thủ tục trọng tài; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong tổ tụng trọng tài; thẩm quyền của Tòa án đối với hoạt động trọng tài, tổ chức và hoạt động của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, thi hành phán quyết trọng tài.</p>	<p>1. Luật này áp dụng cho trọng tài thương mại quốc tế, theo bất kỳ thoả thuận hiện hành nào giữa quốc gia này với quốc gia khác hoặc các quốc gia.</p>
---	--

Về vấn đề phạm vi điều chỉnh, Điều 1.1 của **Luật mẫu** quy định là Luật này được áp dụng đối với Trọng tài thương mại quốc tế. Cụ thể hơn, nội dung của **Luật mẫu** chỉ bao gồm các quy định điều chỉnh trực tiếp quá trình tổ tụng trọng tài. Trong khi đó, Điều 1 của **Dự thảo** quy định rất cụ thể là Luật Trọng tài Thương mại “quy định về thẩm quyền của Trọng tài thương mại, các hình thức trọng tài, tổ chức trọng tài, Trọng tài viên; trình tự, thủ tục trọng tài; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong tổ tụng trọng tài; thẩm quyền của Tòa án đối với hoạt động trọng tài, tổ chức và hoạt động của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, thi hành phán quyết trọng tài.” Có thể thấy, liên quan tới vấn đề này, các quy định của **Dự thảo** không những đã kế thừa các quy định hiện hành của Pháp lệnh trọng tài năm 2003 mà còn phát triển chi tiết hơn các quy định hiện hành để phù hợp với điều kiện và hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2.3 Phạm vi thẩm quyền của Trọng tài

<p>Dự thảo</p> <p>Điều 2. Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài</p> <p>1. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại.</p> <p>2. Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó</p>	<p>Luật mẫu</p> <p>Footnote [2]</p> <p>Thuật ngữ “thương mại” cần được giải thích theo nghĩa rộng liên quan đến tất cả các vấn đề phát sinh từ các quan hệ có bản chất thương mại, dù là quan hệ hợp đồng</p>
--	---

<p>ít nhất một bên có hoạt động thương mại.</p> <p>3. Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài.</p>	<p>hoặc không phải là quan hệ hợp đồng. Những quan hệ có bản chất thương mại bao gồm, nhưng không giới hạn bởi các giao dịch sau: giao dịch thương mại để cung cấp hoặc trao đổi hàng hoá hoặc dịch vụ; thoả thuận phân phối, đại diện hoặc đại lý thương mại; hoa hồng; thuê mua; xây dựng công trình; vận tải; kỹ thuật; li-xăng; đầu tư; tài chính; ngân hàng; bảo hiểm; thoả thuận thăm dò hoặc khai thác; liên doanh và các hình thức hợp tác công nghiệp hoặc kinh doanh khác; vận tải hàng hoá hoặc hành khách bằng đường hàng không; đường biển, đường sắt hoặc đường bộ.</p>
--	---

Cả **Dự thảo** và **Luật mẫu** đều thống nhất phạm vi thẩm quyền của trọng tài bao gồm các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại. Điều 2 của **Dự thảo** không giải thích khái niệm hoạt động thương mại. Vì vậy, khái niệm này phải được xác định dựa trên cơ sở các quy định khác của Pháp luật, ví dụ như Luật Thương mại 2005. Theo **Luật mẫu** thì hoạt động thương mại bao gồm tất cả các vấn đề phát sinh từ các quan hệ có tính chất thương mại, cho dù là hợp đồng hay không phải hợp đồng. **Luật mẫu** có liệt kê một số quan hệ được coi là có tính chất thương mại. Tuy nhiên, phạm vi thẩm quyền của Trọng tài không bị giới hạn trong các quan hệ đó. Điểm khác biệt này có thể được giải thích dựa vào tính chất của hai Luật.

Do **Dự thảo** được xây dựng dựa trên cơ sở hệ thống pháp luật Việt Nam nên **Dự thảo** cần phải đảm bảo được tính thống nhất với các quy định khác của pháp luật và như vậy, đối với các vấn đề mà các Luật chuyên ngành khác đã quy định, **Dự thảo** không nhất thiết phải bao gồm cả các vấn đề đó. **Luật mẫu** được UNCITRAL xây dựng với mục đích hài hòa hóa pháp luật quốc gia, vì vậy cần tạo được cách hiểu thống nhất nhưng linh hoạt đối với các quy định có tính chất nền tảng.

2.4 Giải thích từ ngữ

Dự thảo	Luật mẫu
<p data-bbox="188 401 529 436">Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p data-bbox="188 485 797 575">Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol data-bbox="188 625 797 1724" style="list-style-type: none"><li data-bbox="188 625 797 884">1. <i>Trọng tài thương mại</i> là phương thức giải quyết tranh chấp <i>thuộc thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài</i> do các bên thoả thuận và được tiến hành theo trình tự, thủ tục do Luật này quy định.<li data-bbox="188 932 797 1079">2. <i>Thoả thuận trọng tài</i> là thoả thuận giữa các bên về việc giải quyết bằng Trọng tài tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh.<li data-bbox="188 1127 797 1274">3. <i>Các bên tranh chấp</i> là cá nhân, cơ quan, tổ chức Việt Nam hoặc nước ngoài tham gia tố tụng trọng tài với tư cách nguyên đơn, bị đơn.<li data-bbox="188 1323 797 1470">4. <i>Tranh chấp có yếu tố nước ngoài</i> là tranh chấp phát sinh trong quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định tại Bộ luật dân sự.<li data-bbox="188 1518 797 1724">5. <i>Trọng tài viên</i> là người được các bên lựa chọn hoặc được Trung tâm trọng tài, Tòa án hoặc tổ chức, cá nhân khác chỉ định để giải quyết tranh chấp theo quy định của Luật này.	<p data-bbox="824 401 1433 491">Điều 2. Các định nghĩa và những nguyên tắc giải thích</p> <p data-bbox="824 539 1159 575">Về mục đích của luật này:</p> <ol data-bbox="824 625 1433 1780" style="list-style-type: none"><li data-bbox="824 625 1433 772">(a) “Trọng tài” nghĩa là mọi hình thức trọng tài có hoặc không có sự giám sát của một tổ chức trọng tài thường trực;<li data-bbox="824 821 1433 911">(b) “Hội đồng trọng tài” nghĩa là trọng tài viên duy nhất hoặc hội đồng các trọng tài viên;<li data-bbox="824 959 1433 1050">(c) “Toà án” nghĩa là tổ chức hoặc cơ quan thuộc hệ thống tư pháp của một nước;<li data-bbox="824 1073 1433 1331">(d) Khi qui định của luật này, trừ điều 28, để các bên tự do quyết định một vấn đề nhất định, sự tự do này bao gồm cả quyền của các bên được ủy quyền cho bên thứ ba, kể cả tổ chức, để đưa ra quyết định đó;<li data-bbox="824 1379 1433 1694">(e) Nếu qui định của luật này dẫn chiếu đến việc các bên đã thoả thuận hoặc các bên có thể thoả thuận hoặc theo bất kỳ cách nào khác dẫn chiếu đến thoả thuận trọng tài, thoả thuận đó bao gồm cả qui tắc trọng tài được viện dẫn tới trong thoả thuận này;<li data-bbox="824 1738 1433 1780">(f) Nếu qui định của luật này, trừ qui định

<p>6. <i>Trọng tài quy chế</i> là hình thức giải quyết tranh chấp tại một Trung tâm Trọng tài theo quy định của Luật này và quy tắc tổ tụng của Trung tâm Trọng tài đó.</p> <p>7. <i>Trọng tài vụ việc</i> là hình thức giải quyết tranh chấp do các bên thành lập theo quy định của Luật này và trình tự, thủ tục do các bên thỏa thuận.</p> <p>8. <i>Địa điểm giải quyết tranh chấp</i> là nơi Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp theo sự thỏa thuận lựa chọn của các bên hoặc do Hội đồng trọng tài quyết định nếu các bên không có thỏa thuận. Nếu địa điểm giải quyết tranh chấp được tiến hành trên lãnh thổ Việt Nam thì mọi phán quyết phải được coi là tuyên tại Việt Nam mà không phụ thuộc vào nơi Hội đồng trọng tài tiến hành phiên họp để ra phán quyết đó.</p> <p>9. <i>Quyết định trọng tài</i> là quyết định của Hội đồng trọng tài trong quá trình giải quyết tranh chấp. Quyết định của Hội đồng trọng tài giải quyết toàn bộ nội dung tranh chấp và chấm dứt tổ tụng trọng tài gọi là phán quyết trọng tài.</p> <p>10. <i>Trọng tài nước ngoài</i> là Trọng tài do các bên thỏa thuận lựa chọn thành lập theo quy định của pháp luật trọng tài nước ngoài và quy tắc tổ tụng trọng tài nước ngoài để tiến hành</p>	<p>trong điều 25 (a) và điều 32 (2) (a) dẫn chiếu đến một đơn kiện, cũng sẽ được áp dụng cho đơn kiện lại, và nếu qui định của luật này dẫn chiếu đến bản bào chữa cũng áp dụng cho bản tự bảo vệ đối với đơn kiện lại.</p>
--	---

<p>giải quyết tranh chấp ở ngoài lãnh thổ Việt Nam hoặc trong lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>11. <i>Phán quyết của Trọng tài nước ngoài</i> là phán quyết được tuyên ở ngoài lãnh thổ Việt Nam của Trọng tài do các bên thỏa thuận lựa chọn để giải quyết tranh chấp hoặc phán quyết của Trọng tài được tuyên tại lãnh thổ Việt Nam nhưng không do Trọng tài Việt Nam tuyên.</p>	
---	--

Về vấn đề này, **Luật mẫu** không quy định cụ thể như **Dự thảo**. Điều 2 của **Luật mẫu** chỉ giải thích một số ít các khái niệm cơ bản như “Trọng tài”, “Hội đồng trọng tài” và “Tòa án”. Đây có thể xem là điểm khác biệt lớn của **Dự thảo** so với **Luật mẫu** vì dự thảo đã có các giải thích khái niệm chi tiết để tạo thuận lợi cho việc áp dụng.

2.5 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

Dự thảo	Luật mẫu
<p>Điều 4. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài</p> <p>1. Trọng tài viên phải tôn trọng thoả thuận của các bên, nếu thoả thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội.</p> <p>2. Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các bên tranh chấp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Hội đồng trọng tài có trách nhiệm</p>	<p>Điều 18. Đối xử công bằng với các bên</p> <p>Các bên phải được đối xử một cách công bằng và mỗi bên phải có cơ hội đầy đủ để trình bày về vụ kiện.</p>

<p>tạo điều kiện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.</p> <p>4. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài được tiến hành không công khai, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p> <p>5. Phán quyết trọng tài là chung thẩm.</p>	
--	--

So với **Dự thảo**, **Luật mẫu** không có một điều khoản nào quy định cụ thể về các nguyên tắc chung trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Các nguyên tắc này nằm rải rác trong các phần khác nhau của **Luật mẫu**, điển hình như Điều 18 về đối xử bình đẳng giữa các bên. Ở vấn đề này, có thể thấy **Dự thảo** đã có cách tiếp cận tổng quát hơn so với **Luật mẫu**, kế thừa các quy định của Pháp lệnh trọng tài năm 2003, phù hợp với hệ thống pháp luật Việt Nam.

2.6 Thẩm quyền của Tòa án trong trường hợp có thỏa thuận trọng tài

Dự thảo	Luật mẫu
<p>Điều 6. Toà án từ chối thụ lý trong trường hợp có thỏa thuận trọng tài</p> <p>Trong trường hợp tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Toà án thì Toà án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được.</p>	<p>Điều 8. Thỏa thuận trọng tài và đơn kiện nội dung tranh chấp trước toà</p> <p>1. Trước khi việc kiện về vấn đề đối tượng của thỏa thuận được đưa ra, nếu một bên yêu cầu không muộn hơn thời gian khi nộp bản tường trình đầu tiên của mình về nội dung tranh chấp, toà án sẽ chuyển các bên cho trọng tài trừ khi toà án thấy rằng thỏa thuận đó là vô hiệu và không có hiệu lực, không tiến hành được và không có khả năng thực hiện.</p>

Theo quy định tại Điều 6 của **Dự thảo**, Tòa án phải từ chối thụ lý đơn khởi kiện của một bên đối với các tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc không thể thực hiện được. Điều 8.1 của **Luật mẫu** cũng có quy định tương tự như vậy.

2.7 Thương lượng, hòa giải trong tố tụng trọng tài

Dự thảo	Luật mẫu
<p>Điều 9. Thương lượng, hoà giải trong tố tụng trọng tài</p> <p>Trong quá trình tố tụng trọng tài các bên có quyền tự do thương lượng, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp hoặc yêu cầu Hội đồng trọng tài hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp.</p>	<p>Điều 30. Giải quyết</p> <p>1. Nếu trong quá trình tố tụng trọng tài, các bên giải quyết được tranh chấp, hội đồng trọng tài sẽ chấm dứt tố tụng, và khi các bên có yêu cầu và hội đồng trọng tài không phản đối, ghi nhận việc giải quyết này dưới hình thức quyết định trọng tài về các điều kiện thoả thuận.</p>

Cả **Dự thảo** và **Luật mẫu** đều cho phép các bên tranh chấp được tiến hành thương lượng, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp trong quá trình tố tụng trọng tài. Tuy nhiên, **Dự thảo** có một quy định phát triển hơn đó là cho phép các bên có quyền yêu cầu ngay Hội đồng trọng tài hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Vì thế có thể coi đây là sự kế thừa có phát triển các quy định của Pháp lệnh trọng tài năm 2003 của **Dự thảo**.

2.8 Địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Dự thảo	Luật mẫu
<p>Điều 11. Địa điểm giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài</p> <p>1. Các bên có quyền thoả thuận địa điểm giải</p>	<p>Điều 20. Nơi tiến hành trọng tài</p> <p>1. Các bên được tự do thoả thuận nơi tiến hành trọng tài. Nếu không thoả thuận, nơi xét xử</p>

<p>quyết tranh chấp. Trong trường hợp không có thoả thuận thì Hội đồng trọng tài quyết định. Địa điểm giải quyết tranh chấp có thể trong lãnh thổ Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Trừ khi các bên có thoả thuận khác, Hội đồng trọng tài cũng có thể tiến hành phiên họp tại địa điểm được xem là thích hợp đối với việc trao đổi ý kiến của các thành viên của Hội đồng trọng tài, cho việc lấy lời khai của người làm chứng, tham vấn ý kiến các chuyên gia hoặc tiến hành việc giám định hàng hoá, tài sản hoặc tài liệu khác.</p>	<p>trọng tài sẽ được hội đồng trọng tài quyết định căn cứ vào hoàn cảnh của vụ kiện, tính tới sự thuận tiện cho các bên.</p> <p>2. Dù có qui định của khoản 1 của điều này, hội đồng trọng tài có thể, trừ khi các bên có thoả thuận khác, tổ chức tại địa điểm được xem là thích hợp việc hỏi ý kiến các thành viên, việc mời nhân chứng, chuyên gia hoặc các bên hoặc việc giám định hàng hoá, tài sản khác hoặc văn bản.</p>
--	---

Về điểm này, cả Điều 11 của **Dự thảo** và Điều 20 của **Luật mẫu** đều có quy định giống nhau.

2.9 Mất quyền phản đối

Dự thảo	Luật mẫu
<p>Điều 13. Mất quyền phản đối</p> <p>Trong trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của Luật này hoặc của thoả thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tổ tụng trọng tài và không phản đối những vi phạm trong thời hạn do Luật này quy định thì mất quyền phản đối tại trọng tài hoặc Tòa án.</p>	<p>Điều 4. Khước từ quyền phản đối</p> <p>Khi một bên biết rằng bất kỳ điều khoản của Luật này có thể bị các bên làm tổn hại, hoặc bất kỳ yêu cầu nào theo thoả thuận trọng tài chưa được tuân thủ và vẫn tiếp tục tiến hành trọng tài mà không tuyên bố sự phản đối của mình về những việc không chấp hành đó trong thời hạn cho phép thì sẽ xem như đã từ bỏ</p>

	quyền phản đối của mình.
--	--------------------------

Về điểm này, Điều 13 của **Dự thảo** có quy định tương tự Điều 4 của **Luật mẫu** nhưng diễn đạt khác nhau.

2.10 Quản lý nhà nước về trọng tài

<p>Dự thảo</p> <p>Điều 15. Quản lý nhà nước về Trọng tài</p> <p>1. Quản lý nhà nước về Trọng tài bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Ban hành và hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về Trọng tài;</p> <p>b) Cấp, thu hồi giấy phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>c) Công bố danh sách Trọng tài viên của các <i>Tổ chức</i> trọng tài hoạt động tại Việt Nam;</p> <p>d) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Trọng tài; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trọng tài; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng Trọng tài viên;</p> <p>đ) Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về Trọng tài; giải quyết khiếu nại, tố cáo</p>	
--	--

<p>liên quan đến các hoạt động quy định tại điểm b và điểm c khoản này.</p> <p>2. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về Trọng tài.</p> <p>3. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Trọng tài theo những nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giúp Bộ Tư pháp thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ và quy định tại Luật này.</p>	
--	--

Do **Luật mẫu** chỉ quy định về quá trình tổ tụng trọng tài thương mại quốc tế nên vấn đề này không có trong **Luật mẫu**. Đối với **Dự thảo**, đây là vấn đề được kế thừa từ Pháp lệnh Trọng tài Thương mại năm 2003.

2.11 Tiêu chuẩn Trọng tài viên

Dự thảo	Luật mẫu
<p>Điều 20. Tiêu chuẩn Trọng tài viên</p> <p>1. Những người có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể làm Trọng tài viên:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật dân sự;</p>	<p>Điều 11. Chỉ định trọng tài viên</p> <p>1. Không ai bị cản trở để thành trọng tài viên vì lý do quốc tịch, nếu các bên không có thoả thuận nào khác.</p>

<p>b) Có trình độ đại học và đã qua thực tế công tác theo ngành đã học từ năm năm trở lên;</p> <p>c) Trường hợp đặc biệt là các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, tuy không đáp ứng được yêu cầu nêu tại điểm b khoản này cũng có thể được chọn làm Trọng tài viên.</p> <p>2. Những người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây không được làm trọng tài viên:</p> <p>a) Người đang là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, Chấp hành viên, công chức thuộc Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án;</p> <p>b) Người đang là bị can, bị cáo, người đang chấp hành án hình sự hoặc đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.</p> <p>3. Trung tâm trọng tài có thể quy định thêm các tiêu chuẩn cao hơn tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này đối với Trọng tài viên của tổ chức mình.</p>	
---	--

So với **Dự thảo, Luật mẫu** không đề ra tiêu chuẩn cụ thể nào cho Trọng tài viên mà hoàn toàn tùy thuộc vào thỏa thuận của các bên tranh chấp hoặc tiêu chuẩn của từng trung tâm trọng tài trong việc kết nạp trọng tài viên của họ. Tuy nhiên, cả **Luật mẫu** và **Dự thảo** đều không hạn chế đối với tiêu chuẩn quốc tịch của Trọng tài viên.

2.12 Phạm vi trách nhiệm của Trọng tài viên

<p>Dự thảo</p> <p>Điều 22. Phạm vi trách nhiệm của Trọng tài viên</p> <p>Khi thực hiện nhiệm vụ của Trọng tài viên, Trọng tài viên phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình <i>khi vô ý vi phạm quy định của pháp luật mà việc vi phạm đó không phải do thực hiện thỏa thuận của các bên gây ra hoặc khi cố ý vi phạm quy định của pháp luật.</i></p>	
--	--

Đây là một quy định mới, chưa được **Luật mẫu** quy định, mà **Dự thảo** tiếp thu từ Luật trọng tài của Anh và Singapore.

2.13 Tư cách pháp nhân và cơ cấu của Trung tâm trọng tài

<p>Dự thảo</p> <p>Điều 28. Tư cách pháp nhân và cơ cấu của Trung tâm trọng tài</p> <ol style="list-style-type: none">1. Trung tâm trọng tài có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.2. Trung tâm trọng tài hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.3. Trung tâm trọng tài được lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước	
---	--

<p>ngoài.</p> <p>4. Trung tâm trọng tài có Ban điều hành và Ban thư ký. Cơ cấu, bộ máy của Trung tâm trọng tài do Điều lệ của Trung tâm đó quy định.</p> <p>Ban điều hành Trung tâm trọng tài gồm có Chủ tịch, một hoặc các Phó Chủ tịch, có thể có Tổng thư ký do Chủ tịch Trung tâm trọng tài cử. Chủ tịch trung tâm trọng tài là Trọng tài viên.</p> <p>5. Trung tâm trọng tài có danh sách Trọng tài viên.</p>	
--	--

Luật mẫu không quy định về cơ cấu tổ chức của một tổ chức trọng tài. Pháp luật các nước khác thường quy định vấn đề này trong Luật công ty khi cấp phép thành lập các trung tâm trọng tài và có quy chế cụ thể về tính chất phi lợi nhuận trong tổ chức và hoạt động của các trung tâm trọng tài đó.

2.14 Phí trọng tài

<p>Dự thảo</p> <p>Điều 35. Phí trọng tài</p> <p>1. Phí trọng tài là khoản thu từ việc cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp tại Trọng tài. Phí trọng tài gồm:</p> <p>a) Thù lao Trọng tài viên, chi phí đi lại và các</p>	
--	--

<p>chi phí khác cho Trọng tài viên;</p> <p>b) Phí tham vấn chuyên gia và các trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng trọng tài;</p> <p>c) Phí hành chính;</p> <p>d) Phí chỉ định Trọng tài viên vụ việc của Trung tâm trọng tài theo yêu cầu của các bên tranh chấp;</p> <p>đ) Phí sử dụng các dịch vụ tiện ích khác được cung cấp bởi Trung tâm trọng tài.</p> <p>2. Phí trọng tài do Trung tâm trọng tài ấn định. Trường hợp vụ tranh chấp được giải quyết bởi Trọng tài vụ việc, phí trọng tài do Hội đồng trọng tài ấn định.</p> <p>3. Bên thua kiện phải chịu phí trọng tài, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc quy tắc tố tụng trọng tài quy định khác hoặc Hội đồng trọng tài có sự phân bổ khác.</p>	
--	--

Đây là một vấn đề mà **Luật mẫu** không có quy định mà dành quyền ấn định phí trọng tài khác nhau cho từng trung tâm trọng tài cụ thể hoặc theo thoả thuận của các bên tranh chấp đối với trọng tài viên mà họ lựa chọn khi giải quyết bằng hình thức trọng tài vụ việc (ad hoc).

2.15 Khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định của Hội đồng trọng tài về thẩm quyền

Dự thảo	Luật mẫu
----------------	-----------------

<p>Điều 45. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định của Hội đồng trọng tài về thẩm quyền</p> <p>1. Trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng trọng tài quy định tại Điều 44 của Luật này, trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Hội đồng trọng tài, các bên có quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét lại quyết định của Hội đồng trọng tài. Bên khiếu nại phải đồng thời thông báo việc khiếu nại cho Hội đồng trọng tài.</p> <p>...</p> <p>5. Trong khi Tòa án giải quyết đơn khiếu nại, Hội đồng trọng tài vẫn có thể tiếp tục giải quyết tranh chấp.</p> <p>...</p>	<p>Điều 6. Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác vì một số chức năng nhất định trong việc hỗ trợ và giám sát trọng tài</p> <p>Những chức năng được đề cập tới tại các điều 11(3), 11(4), 13(3), 14, 16(3) và 34(2) sẽ được thực hiện bởi ... (Mỗi quốc gia thông qua luật mẫu này ghi rõ tòa án, các tòa án hoặc những cơ quan có thẩm quyền khác thực hiện những chức năng này trong tòa án).</p> <p>Điều 16. Thẩm quyền của hội đồng trọng tài qui định thẩm quyền xét xử của mình</p> <p>3. Hội đồng trọng tài có thể quyết định về đơn yêu cầu chỉ ra ở khoản 2 của điều này như là vấn đề mở đầu hoặc giải quyết tại quyết định về nội dung tranh chấp. Nếu hội đồng trọng tài kết luận đối với vấn đề mở đầu là mình có thẩm quyền, thì bất kỳ bên nào cũng có thể, trong vòng 30 ngày sau khi nhận được thông báo về quyết định này, đề nghị tòa án được xác định tại điều 6 quyết định vấn đề này, quyết định này không bị kháng án; trong khi yêu cầu đó đang chờ giải quyết thì hội đồng trọng tài vẫn có thể tiếp tục tiến hành quá trình tố tụng và đưa ra quyết định.</p>
---	---

Có thể thấy cả **Dự thảo** và **Luật mẫu** đều cho phép Tòa án giải quyết các khiếu nại về quyết định của Hội đồng trọng tài về thẩm quyền. Thêm vào đó, việc giải quyết các khiếu nại này của

Tòa án không làm ảnh hưởng tới quá trình giải quyết tranh chấp của Trọng tài vì hội đồng trọng tài có quyền tự xem xét thẩm quyền của mình. Vì vậy, ở vấn đề này **Dự thảo** đã có sự kế thừa nguyên tắc chung từ **Luật mẫu**.

2.16 Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài thu thập chứng cứ

Dự thảo	Luật mẫu
<p>Điều 47. Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài về thu thập chứng cứ</p> <p>1. Các bên có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ cho Hội đồng trọng tài để chứng minh các sự việc có liên quan đến vấn đề đang tranh chấp.</p> <p>2. Theo yêu cầu của một hoặc các bên, Hội đồng trọng tài có quyền yêu cầu người làm chứng cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.</p> <p>3. Hội đồng trọng tài tự mình hoặc theo yêu cầu của một hoặc các bên, có quyền trưng cầu giám định, định giá tài sản trong vụ tranh chấp để làm căn cứ cho việc giải quyết tranh chấp. Phí giám định, định giá do bên yêu cầu giám định, định giá tạm ứng hoặc do Hội đồng trọng tài phân bổ.</p> <p>4. Hội đồng trọng tài tự mình hoặc theo yêu cầu của một hoặc các bên, có quyền tham vấn</p>	<p>Điều 19. Xác định các nguyên tắc về tố tụng</p> <p>1. Theo qui định của luật này, các bên được tự do thoả thuận về tố tụng mà hội đồng trọng tài phải thực hiện khi tiến hành tố tụng.</p> <p>2. Nếu không có thoả thuận đó, hội đồng trọng tài có thể, theo qui định của luật này, tiến hành trọng tài theo cách thức mà hội đồng trọng tài cho là thích hợp. Quyền trao cho hội đồng trọng tài bao gồm quyền xác định việc thừa nhận, tính hợp lý, sự xác đáng và trọng lượng của chứng cứ.</p> <p>Điều 26. Chuyên gia được hội đồng trọng tài chỉ định</p> <p>1. Nếu các bên không có thoả thuận nào khác, hội đồng trọng tài</p> <p>a. Có thể chỉ định một hoặc một số chuyên gia báo cáo cho hội đồng trọng tài về những vấn đề cụ thể do hội đồng trọng tài quyết định;</p>

<p>ý kiến của các chuyên gia. Chi phí chuyên gia do bên yêu cầu tham vấn tạm ứng hoặc do Hội đồng trọng tài phân bổ.</p> <p>5. Trong trường hợp Hội đồng trọng tài, một hoặc các bên áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập chứng cứ mà vẫn không thể tự mình thu thập được thì có thể gửi văn bản đề nghị Tòa án có thẩm quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đọc được, nghe được, nhìn được hoặc hiện vật khác liên quan đến vụ tranh chấp. Văn bản đề nghị phải nêu rõ nội dung vụ việc đang giải quyết tại Trọng tài, chứng cứ cần thu thập, lý do không thu thập được, tên địa chỉ của cá nhân, cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ chứng cứ cần thu thập đó.</p> <p>Trình tự, thủ tục Tòa án thu thập chứng cứ và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thu thập chứng cứ của Tòa án được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.</p>	<p>b. Có thể yêu cầu một bên cung cấp cho các chuyên gia những thông tin có liên quan hoặc đưa ra hoặc cho phép chuyên gia vào, bắt kỳ các chứng từ liên quan, hàng hoá hoặc tài sản khác để tiến hành giám định.</p> <p>2. Trừ khi các bên có thoả thuận khác, nếu một bên có yêu cầu hoặc nếu hội đồng trọng tài thấy cần thiết sau khi chuyển bản báo cáo bằng miệng hoặc bằng văn bản, các chuyên gia sẽ tham dự phiên xét xử để các bên có cơ hội nêu các câu hỏi với chuyên gia và đưa ra những nhân chứng cho chuyên viên để thẩm định những điểm của vấn đề đó.</p> <p>Điều 27. Sự giúp đỡ của toà án trong việc thu thập chứng cứ</p> <p>Hội đồng trọng tài hoặc một bên với sự đồng ý của hội đồng trọng tài có thể yêu cầu toà án có thẩm quyền của nước này trợ giúp thu thập chứng cứ. Toà án có thể thực hiện yêu cầu đó trong phạm vi thẩm quyền của mình và theo nguyên tắc về thu thập chứng cứ.</p>
--	--

Luật mẫu không có riêng một điều luật quy định cụ thể về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài trong việc thu thập chứng cứ. Các vấn đề về chứng cứ được quy định rải rác ở nhiều điều luật khác nhau, ví dụ như Điều 19, 26 và 27. Nhìn chung, cả **Luật mẫu** và **Dự thảo** đều cho phép Hội đồng trọng tài được trưng cầu giám định chứng cứ, tham vấn ý kiến chuyên gia và yêu cầu Tòa án hỗ trợ trong việc thu thập chứng cứ.

2.17 Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Dự thảo	Luật mẫu
<p>Điều 50. Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời</p> <p>1.Theo yêu cầu của một trong các bên tranh chấp, Hội đồng trọng tài có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với các bên tranh chấp.</p>	<p>Điều 17. Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời</p> <p>1. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng trọng tài có thể, theo yêu cầu của một bên, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.</p>

Cả **Dự thảo** và **Luật mẫu** đều cho phép Hội đồng trọng tài được trực tiếp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, không cần thông qua Tòa án, khi có yêu cầu của một trong các bên tranh chấp.

2.18 Việc vắng mặt của các bên

Dự thảo	
<p>Điều 57. Việc vắng mặt của các bên</p> <p>1. Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp giải quyết tranh chấp mà không được Hội đồng trọng tài chấp thuận thì bị coi là đã rút đơn kiện. Trong trường hợp này, Hội đồng trọng tài tiếp tục giải quyết tranh chấp nếu bị đơn có yêu cầu hoặc có đơn kiện lại.</p>	

<p>2. Bị đơn đã đư ọc triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp giải quyết tranh chấp mà không được Hội đồng trọng tài chấp thuận thì Hội đồng trọng tài vẫn tiếp tục giải quyết tranh chấp căn cứ vào tài liệu và chứng cứ hiện có.</p> <p>3. Theo yêu cầu của các bên, Hội đồng trọng tài có thể căn cứ vào hồ sơ để tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp mà không cần sự có mặt của các bên.</p>	
--	--

Đây là một quy định riêng của **Dự thảo. Luật mẫu** không có quy định tương tự mà dành để các trung tâm trọng tài tự quy định trong quy tắc tổ tụng của từng trung tâm.

2.19 Đăng ký phán quyết Trọng tài vụ việc

<p>Dự thảo</p> <p>Điều 63. Đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc</p> <p>1. Theo yêu cầu của một hoặc các bên tranh chấp, phán quyết của Trọng tài vụ việc được đăng ký tại Tòa án nơi Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết trước khi yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành phán quyết trọng tài đó. Việc đăng ký hoặc không đăng ký phán quyết trọng tài không ảnh hưởng đến nội dung và giá trị pháp lý của phán quyết</p>	
---	--

trọng tài...	
--------------	--

Đây là một quy định riêng của **Dự thảo** nhằm đảm bảo khả năng thi hành của phán quyết trọng tài vụ việc dựa trên thực tiễn áp dụng pháp luật ở Việt Nam. Luật mẫu không có quy định dành riêng cho trọng tài vụ việc.

2.20 Căn cứ hủy phán quyết trọng tài

Dự thảo	Luật mẫu
<p>Điều 69. Căn cứ hủy phán quyết trọng tài</p> <p>2. Phán quyết trọng tài bị hủy nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có thoả thuận trọng tài hoặc thoả thuận trọng tài vô hiệu;</p> <p>b) Thành phần Hội đồng trọng tài, thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thoả thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật này;</p> <p>c) Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài; trong trường hợp phán quyết trọng tài có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài thì nội dung đó bị hủy.</p> <p>d) Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản đã được xác định trong các văn bản quy</p>	<p>Điều 34: Đơn yêu cầu hủy bỏ quyết định của trọng tài như cách thức duy nhất để yêu cầu toà án bác quyết định của trọng tài.</p> <p>2. Một quyết định chỉ có thể bị toà án theo qui định tại điều 6 hủy bỏ trong trường hợp:</p> <p>(a) Bên làm đơn yêu cầu đưa ra những bằng chứng khẳng định rằng:</p> <p>(i) Một trong các bên ký kết thoả thuận trọng tài theo qui định tại điều 7 không đủ năng lực ký kết thoả thuận đó; hoặc thoả thuận nói trên không có giá trị pháp lý theo luật mà các bên đã chọn để áp dụng hoặc theo luật của nước nơi quyết định được tuyên trong trường hợp mà các bên không ghi rõ; hoặc</p> <p>(ii) Bên phải thi hành quyết định không được thông báo một cách đầy đủ về việc chỉ định trọng tài viên hoặc tố tụng trọng tài hoặc nói</p>

<p><i>phạm</i> pháp luật Việt Nam có liên quan.</p>	<p>cách khác không thể thực hiện việc tranh tụng của mình; hoặc</p> <p>(iii) Quyết định giải quyết tranh chấp không được qui định hoặc không nằm trong phạm vi các điều khoản của thoả thuận đưa ra trọng tài giải quyết, hoặc quyết định này bao gồm những quyết định về các vấn đề vượt quá phạm vi của thoả thuận trọng tài giải quyết với điều kiện là những quyết định về các vấn đề đưa ra trọng tài giải quyết có thể tách ra khỏi những vấn đề không được đưa ra trọng tài và chỉ có phần của quyết định chứa đựng các quyết định về vấn đề không được nêu ra trọng tài giải quyết có thể bị hủy bỏ; hoặc</p> <p>(iv) Thành phần của hội đồng trọng tài hoặc tổ tụng trọng tài không phù hợp với thoả thuận giữa các bên trừ trường hợp thoả thuận này trái với điều khoản trong luật này mà các bên không thể vi phạm được, hoặc nếu không có thoả thuận đó, không phù hợp với luật này; hoặc</p> <p>(b) Toà án phát hiện rằng:</p> <p>(i) Theo luật của nước đó, vấn đề nội dung tranh chấp không thể giải quyết bằng trọng tài được; hoặc</p> <p>(ii) Quyết định mâu thuẫn với chính sách công</p>
---	---

	của quốc gia đó.
--	------------------

Tuy **Luật mẫu** có quy định chi tiết hơn nhiều căn cứ để hủy phán quyết so với **Dự thảo** nhưng về bản chất, các căn cứ của **Dự thảo** và **Luật mẫu** đều tương tự nhau trừ căn cứ cuối cùng Luật mẫu quy định là “*trật tự công*” thì Dự luật quy định khác là “*những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt nam*”.

2.21 Tòa án xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài

So với quy định của **Dự thảo**, **Luật mẫu** không quy định cụ thể về vấn đề này. Điều 72 của **Luật mẫu** cho phép các bên nộp đơn yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài trong khi **Dự thảo** quy định thời gian này là 30 ngày. Tuy nhiên, cả 2 luật này đều có một điểm chung đó là bên yêu cầu phải cung cấp đủ căn cứ để chứng minh Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết thuộc một trong những trường hợp quy định tại Điều 69 của **Dự thảo**.

3. Kết luận

Từ phân tích chi tiết nêu trên có thể thấy rõ là Dự luật có nhiều quy định tương thích với Luật mẫu. Tuy nhiên nhiều quy định khác với Luật mẫu mà kế thừa có phát triển thêm các quy định của Pháp lệnh trọng tài năm 2003 (Xin xem bình luận riêng của UNCITRAL về Dự luật trọng tài của Việt nam do Nhà Pháp luật Việt Pháp cung cấp). Ngoài ra, một phần lớn nội dung của Dự luật hoàn toàn không có trong Luật mẫu mà xuất phát từ đặc thù kinh tế xã hội và hệ thống pháp luật Việt nam để có quy định riêng nhất là các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn trọng tài viên, cơ cấu tổ chức trung tâm trọng tài, quản lý nhà nước và các thủ tục pháp lý cụ thể về việc tòa án hỗ trợ trọng tài, vv.

Hà nội, 18.00’ ngày 02/06/2010

Người lập báo cáo so sánh.

Luật sư Nguyễn Mạnh Dũng – Phó chủ tịch Trung tâm trọng tài quốc tế Thái Bình Dương.

